

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07/ 02/ 2023
V/v: " Ly hôn-Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Trung Kiên
2. Ông Nguyễn Quang Khải

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 07/02/2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 30/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 11 ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Tòng Thị T - Sinh năm 1993.(có mặt).
Trú tại: Tổ 3, thị trấn Điện B, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc T - Sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/10/2022 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, Chị Tòng Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh T tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán năm 2009 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ vào ngày 05/8/2011 hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc từ ngày cưới đến tháng 2 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống hai vợ chồng không cùng chí hướng không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã đã được hai bên gia đình đã hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2013 cho đến nay không quay lại thăm nom gì nhau. Tôi xét tình cảm không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tuấn.

2. Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung là: Tòng Thị K A sinh ngày 17/11/2010 sau khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; và diện tích ruộng nương: Chị T khai không có.

Ngày 07/10/2022, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị T, cho anh T biết. Giao thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh T. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh T không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án án hợp lệ cho anh T. Nhưng anh T vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 07/12/2022 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa và tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tòng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản không có như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

- Anh T đã được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại T, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177 BLTTDS, việc anh Tuấn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh Tuấn đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Tòng Thị T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị T và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND thị trấn Điện B xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T và chị T tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống thường xảy ra cãi vã đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, hai vợ chồng ly thân từ tháng 2 năm 2013 cho đến nay không quay lại thăm nom gì nhau. Theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực

hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này. Bản thân chị T và anh T đã ly thân 10 năm nay xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị T và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị bỏ mặc không quan tâm nhau ly thân quá lâu, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị T cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho ly hôn giữa chị Tòng Thị T và anh Nguyễn Ngọc T.

[3] Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là: Tòng Thị Kim A, sinh ngày 17/11/2010 và xét theo nguyện vọng cháu muốn sống cùng mẹ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị T. Cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Kim A cho đến khi cháu thành niên và đủ khả năng lao động. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu tòa giải quyết.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không có.

[6] Về án phí: Chị T là dân tộc sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị Thuận được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Tòng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T
2. Về con chung: Chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng, giáo dục cháu Tòng Thị Kim A, sinh ngày 17/11/2010 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn ĐB Đ;
- Lưu.

Bạc Thị Liên

